

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 35/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 17/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 3540/SXD-KTKT ngày 25/10/2024 của Sở Xây dựng và theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3541/TTr-SXD ngày 25/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B với các nội dung chủ yếu như sau:

- Tên dự án: Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B
- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ đầu tư: UBND thành phố Tân Uyên (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Tân Uyên là đơn vị quản lý dự án).

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

*** Mục tiêu:**

Việc đầu tư xây dựng mới Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên nhằm đạt được mục tiêu: Giảm áp lực thiếu phòng học, đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học trên địa bàn phường Tân Vĩnh Hiệp nói riêng và thành phố Tân Uyên nói chung, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục của địa phương.

*** Quy mô đầu tư xây dựng:**

4.1. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc cơ bản của dự án:

- Tổng diện tích đất sử dụng của dự án khoảng 8.901 m². Trong đó:
- + Tổng diện tích đất xây dựng của dự án: 3.255,24 m² (36,56%).
- + Diện tích đất sân vườn (cây xanh, sân chơi, bãi tập): 3.582,91 m² (40,26%).
- + Diện tích đất giao thông: 2.062,85 m² (23,18%).
- Tổng diện tích sàn xây dựng của dự án: 8.977,79 m².
- Tầng cao xây dựng tối đa: 04 tầng + 01 tầng kỹ thuật.
- Chiều cao xây dựng tối đa: 21,255 mét.
- Mật độ xây dựng: 36,56%.
- Nền cao hơn so với cốt sân 0,15m.
- Đất thuộc hành lang an toàn đường bộ: 524m².
- Đất tiếp cận công trình bên ngoài hành lang an toàn đường bộ: 355,51m².

4.2. Quy mô các công trình có trong dự án:

4.2.1. Khối chính (khối A)

Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp II.

Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): + 0,15m.

Chiều cao tầng 1: +3,6m.

Chiều cao tầng 2,3,4, kỹ thuật: +3,6m.

Tổng chiều cao tính từ cốt sân đến đỉnh mái công trình là: +21,255m.

Số tầng: 04 tầng + tầng kỹ thuật.

Diện tích xây dựng: 2.228,39m²

Tổng diện tích sàn xây dựng: 6.584,44m². Trong đó tầng 1: 2.061,59m²;

tầng 2: 1.943,76m²; tầng 3: 1.913,08m²; tầng 4: 567,50m²; tầng kỹ thuật: 98,50m².

Phân khu chức năng:

- Tầng 1: bố trí sảnh kết hợp sân khấu ngoài trời; 10 phòng học; phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập; phòng học ngoại ngữ 1; phòng đa chức năng 1; sảnh uống nước; phòng thiết bị giáo dục; phòng văn phòng; phòng y tế; phòng phó hiệu trưởng 1; phòng nghỉ giáo viên kết hợp phòng giáo viên; khu vệ sinh giáo viên, học sinh; hành lang, cầu thang bộ, thang máy.

- Tầng 2: bố trí 11 phòng học; phòng học tin học; phòng học ngoại ngữ 2; phòng khoa học công nghệ; sảnh uống nước; phòng đọc giáo viên + thủ thư; kho sách; phòng đọc học sinh; phòng nghỉ giáo viên kết hợp phòng giáo viên; khu vệ sinh giáo viên, học sinh; sảnh, hành lang, cầu thang bộ, thang máy.

- Tầng 3: bố trí 11 phòng học; phòng học Mỹ thuật; phòng học Âm nhạc; phòng đa chức năng 2; sảnh uống nước; phòng truyền thống; phòng hoạt động tổ chức công đoàn; phòng hiệu trưởng; phòng phó hiệu trưởng 2; phòng nghỉ giáo viên kết hợp phòng giáo viên; khu vệ sinh giáo viên, học sinh; sảnh, hành lang, cầu thang bộ, thang máy.

- Tầng 4: bố trí phòng họp toàn thể CB-GV-NV + sân khấu; phòng hoạt động Đội TNTPHCM; kho dụng cụ chung và học phẩm + lưu trữ; phòng thiết bị lọc nước; khu vệ sinh học sinh; hành lang, cầu thang bộ, thang máy.

- Tầng kỹ thuật: bố trí phòng kỹ thuật, thang máy; khu vực bồn nước.

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, cột, đà, sàn bê tông cốt thép. Mái bằng bê tông cốt thép. Riêng sàn phòng học bằng bê tông cốt thép gạch bông.

Vật liệu sử dụng chính: Nền phòng lát gạch thạch anh, nền hành lang lát gạch thạch anh nhám. Bậc tam cấp xây gạch thẻ, mặt bậc lát đá granite. Tường xây gạch không nung loại xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước kết hợp ốp gạch, đá trang trí (mặt ốp gạch phải liền với mặt tường hoàn thiện). Cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính bên trong có bông sắt gắn cố định vào tường. Khu vực vệ sinh: Tường ốp gạch thạch anh (mặt ốp gạch phải liền với mặt tường hoàn thiện), sàn gạch thạch anh nhám. Vách ngăn các phòng vệ sinh, cửa ngăn từng phòng vệ sinh bằng tấm compact. Đóng trần khung nổi tấm nhựa tổng hợp.

4.2.2. Khối nhà đa năng (Khối B)

Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): từ 0,83m đến 1,48m.

Chiều cao tầng 1: +3,6m.

Chiều cao tầng 2 cao từ 3,6m đến 4,5m; *tầng kỹ thuật* cao 3,6m.

Chiều cao tính từ cốt sân đến đỉnh mái công trình là: +16,180m.

Số tầng: 02 tầng + tầng kỹ thuật.

Diện tích xây dựng: 1.189,59m²

Tổng diện tích sàn xây dựng: 2.222,10m². Trong đó tầng 1: 1.074,65m²; tầng 2: 1.092,95m²; tầng kỹ thuật: 54,50m².

Phân khu chức năng:

- Tầng 1: bố trí khu vực để xe học sinh, giáo viên; kho; khu vực sân chơi học sinh; phòng giặt; sân phơi; kho ga; phòng rác; kho rác nguy hại; phòng vệ sinh khuyết tật; hành lang, cầu thang bộ, thang máy.

- Tầng 2: bố trí phòng đa năng, sân khấu; kho phòng đa năng; phòng quản lý bán trú; bếp; kho đồ dùng dụng cụ; kho thực phẩm; sàn nước; sân phơi; khu vệ sinh học sinh; khu vệ sinh thay đồ; hành lang, cầu thang bộ, thang máy.

- Tầng 3: bố trí phòng kỹ thuật thang máy; khu để bồn nước.

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, cột, đà sàn bê tông cốt thép. Vòi kèo, xà gồ thép, mái tôn.

Vật liệu sử dụng chính: sân chơi học sinh, nền phòng lát gạch thạch anh, nền hành lang lát gạch thạch anh nhám, nền khu vực để xe quét sơn chuyên dụng (epoxy tự phẳng). Tường xây gạch không nung loại xi măng cốt liệu, bên ngoài sơn nước, bên trong ốp gạch thạch anh theo thiết kế (mặt ốp gạch liền mặt tường hoàn thiện), phần còn lại sơn nước. Cửa đi và cửa sổ: bố trí hệ thống 02 lớp cửa: bên ngoài nhôm – kính, bên trong cửa khung nhôm - lưới inox để ngăn côn trùng có cánh, riêng bên trong cửa sổ có khung sắt gắn cố định vào tường để bảo vệ tài sản. Dọc hành lang bố trí máng rửa tay để học sinh vệ sinh tay trước khi ăn. Khu nhà bếp: Nhà bếp được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động 1 chiều: Sản nhập hàng → khu sơ chế → khu chế biến → khu nấu ăn → khu chia thức ăn. Khu vực vệ sinh: Tường ốp gạch thạch anh (mặt ốp gạch phải liền với mặt tường hoàn thiện). Sàn gạch thạch anh nhám. Vách ngăn các phòng vệ sinh, cửa ngăn từng phòng vệ sinh bằng tấm compact. Đóng trần khung nổi tấm nhựa tổng hợp.

4.2.3. Các hạng mục phụ

1. Nhà thường trực

- Loại, cấp công trình: công trình dân dụng; cấp IV.

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): 0,3 m.

- Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +4,65 m.

- Số tầng: 1 tầng.

- Diện tích xây dựng: 16 m².

- Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Mái bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch thạch anh. Tường xây gạch không nung loại xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước. Cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính, bên trong có khung sắt bảo vệ. Khu vệ sinh: Tường ốp gạch thạch anh, nền lát gạch thạch anh nhám cửa phòng vệ sinh dùng cửa nhôm - kính mờ.

2. Cổng, biển tên

- Cổng chính, cửa phụ (1 cánh), trụ cổng: rộng 10,8m, cao 7,1m

+ Trụ cổng bê tông cốt thép, xung quanh xây gạch không nung; bả matit, sơn nước; chân trụ cổng ốp đá trang trí.

+ Cổng chính: chiều rộng thông thủy 7,0m, chiều cao thông thủy 5,2m. Cửa cổng chính sắt trượt dài 9,0m, rộng 0,9m, cao 2,73m, song sắt sơn 3 lớp kết hợp panel tôn trắng kẽm dày 0,45mm; sử dụng motor đẩy cửa. Cửa phụ một cánh, rộng 1,6m cao 2,4m, song sắt sơn 3 lớp kết hợp panel tôn trắng kẽm dày 0,45mm.

+ Chiều cao thông thủy cổng chính 5,2m, chiều cao cổng là 7,1m. Mái cổng bằng bê tông cốt thép phía trên lợp tôn sóng vuông mạ màu dày 0,45mm; xà gồ thép.

- Cổng phụ (gồm trụ cổng): rộng 4,4m (*chiều rộng thông thủy 3,5m*). Trụ cổng bê tông cốt thép, xung quanh xây gạch không nung. Cửa cổng 2 cánh bằng sắt, song sắt sơn 3 lớp.

- Biển tên gắn liền với trụ cổng, đặt bên cạnh và phía trên cổng chính. Tên theo điều lệ trường, trang trí theo bản vẽ kiến trúc.

3. Hàng rào xung quanh

- Chiều dài: 417m. Trong đó hàng rào loại 1: 19,5m; loại 2: 252m; loại 3: 145,5m.

- Cấu trúc:

+ *Hàng rào loại 1*: bước cột điển hình 4,0m, trụ cột bằng bê tông cốt thép cao 2,9m, xung quanh xây gạch không nung xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước. Chân tường rào xây gạch không nung xi măng cốt liệu dày 200mm, ốp đá tự nhiên kích thước 100x200mm; phía trên xây tường dày 100mm bả matit, sơn nước (hoặc sơn gấm) kết hợp song sắt trang trí. Trên cùng có khung sắt la, sắt tròn vát mài nhọn đầu.

+ *Hàng rào loại 2*: bước cột điển hình 4,0m; trụ cột bằng bê tông cốt thép, cao 2,9m, xung quanh xây gạch không nung xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước. Chân tường rào xây gạch không nung xi măng cốt liệu dày 200mm, ốp đá tự nhiên kích thước 100x200mm; phía trên xây tường dày 100mm bả matit, sơn nước. Trên cùng có khung sắt la, sắt tròn vát mài nhọn đầu.

+ *Hàng rào loại 3*: bước cột điển hình 3,0m, trụ cột bằng thép cao 1,8m đặt trên giằng bê tông cốt thép. Chân tường rào xây gạch không nung xi măng cốt liệu dày 200mm, ốp đá tự nhiên kích thước 100x200mm; phía trên lưới thép cách khoảng 150x50mm sơn tĩnh điện.

4. *Cải tạo khối phòng vi tính hiện hữu*

- Loại, cấp công trình: công trình dân dụng, cấp IV.
- Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sàn): +3,6m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 84m²

- Hiện trạng: móng, cột, dầm bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch, sơn nước. Nền lát gạch. Cửa đi, cửa sổ khung sắt. Mái lợp tôn, xà gồ thép, đóng trần.

- Phương án cải tạo: giữ nguyên kết cấu, hệ mái tôn, trần hiện trạng. Tường hiện trạng giữ lại, vệ sinh, sơn lại toàn bộ công trình. Xây mới bổ sung một số vị trí theo thiết kế. Cửa đi, cửa sổ hiện trạng tháo dỡ, tái sử dụng khi xây lại tường (cao độ gắn cửa sổ và chiều cao cửa đi có thể điều chỉnh phù hợp với kết cấu hiện trạng hiện hữu). Nền hiện trạng phá dỡ, băm vụn; đổ đất, nâng nền theo thiết kế. Phá dỡ bục giằng hiện hữu, làm mới bục giằng. Các giải pháp khác theo thiết kế xây dựng.

5. *Nhà che máy bơm, máy phát điện dự phòng*

- Loại, cấp công trình: công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
- Cốt nền công trình (tính từ cốt sàn): 0,3 m.
- Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sàn): +3,6 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 29,25m².

- Cấu trúc: Cột, dầm, sàn mái bê tông cốt thép. Nền bê tông đá đặt trên nắp bể nước ngầm bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch không nung loại xi măng cốt liệu kết hợp hệ lam nhôm; tường ngoài nhà bả matit, sơn nước (hoặc sơn gấm), chân tường ốp đá trang trí; tường trong bả matit, sơn nước. Cửa đi khung nhôm kết hợp chớp nhôm chữ Z. Sàn mái bê tông cốt thép, phía trên xử lý chống thấm.

6. *Nhà điều hành xử lý nước thải*

- Loại, cấp công trình: công trình dân dụng, cấp IV.
- Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sàn): +3,3 m.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 7,0m².

- Cấu trúc: Móng, cột, đà bê tông cốt thép. Nền bê tông đá. Tường xây gạch không nung loại xi măng cốt liệu, bả matit, sơn nước. Cửa đi khung nhôm, chớp nhôm chữ Z. Sàn mái bê tông cốt thép, phía trên xử lý chống thấm.

7. Bể nước ngầm

- Khối tích xây dựng: 463m³.

- Cấu tạo: toàn bộ thành bể bằng bê tông cốt thép dày 200mm; nắp bể bê tông cốt thép dày 100mm; đáy bể bằng bê tông cốt thép dày 300mm; thang xuống thăm bể bằng inox 304. Bể trung chuyển: tường, nền bên trong ốp gạch thạch anh.

8. Sân trường, đường dốc

- Diện tích xây dựng: 2.271,37m².

- Cấu tạo: lát gạch terrazzo kích thước 400x400mm; lớp hồ dầu dán gạch; lớp vữa xi măng; lớp bê tông đá 10x20mm M250 dày 100mm, bố trí thép cấu tạo Ø8 cách khoảng 200mm theo hai phương; lớp giấy dầu chống mất nước bê tông; lớp đất san nền; lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.

9. Đường bê tông nhựa

- Diện tích xây dựng: 2.869,83m². Trong đó, đường nội bộ: 2.010,60m²; đường thuộc đất HLATĐB: 503,72m²; đường thuộc đất tiếp cận công trình ngoài HLATĐB: 355,51m².

- Cấu tạo: lớp bê tông nhựa hạt mịn C12.5 rải nóng dày 50mm, lu lèn K ≥ 0,98, E = 280Mpa; lớp nhựa bám dính 0,5kg/m²; lớp bê tông nhựa hạt trung C19 dày 60mm, lu lèn K ≥ 0,98, E = 350Mpa; tưới nhựa thấm bám 1,0kg/m²; lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 200mm, lu lèn K ≥ 0,98, E = 300Mpa; lớp cấp phối đá dăm loại 2, dày 200mm, lu lèn K ≥ 0,98, E = 250Mpa; lớp đất san nền; lớp đất tự nhiên dọn sạch.

10. Bó hệ công trình

- Diện tích xây dựng: 536,13m².

- Cấu tạo: lát đá granite khò nhám kích thước 300x600mm, lát đá dạng so le; lớp hồ dầu dán đá; lớp vữa xi măng tạo dốc ra ngoài; lớp bê tông lót đá 10x20mm M150 dày 60mm; lớp giấy dầu chống mất nước bê tông; lớp cát đôn nền tưới nước đầm chặt từng lớp dày 200mm; lớp đất san nền; lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.

11. Cột cờ

- Số lượng: 01 hạng mục

- Cấu trúc: cột cờ bằng inox cao 12m, dây kéo cờ dùng cáp 4mm. Bộ cột cờ xây gạch; mặt nền lát đá granite nhám.

12. Sân chơi cát

- Diện tích xây dựng: 39,44m².

- Cấu trúc: bó vỉa xung quanh xây gạch hoặc bê tông đá; lớp bê tông đá 10x20 M150 dày 60mm; bên trong có cát.

13. Thảm cỏ, cây xanh

- Diện tích xây dựng: 756,25m².

- Cấu trúc: cây xanh (trồng mới, hiện trạng), trồng cỏ; lớp đất hữu cơ. Bố trí khung giằng giữ cây xanh bằng thép tráng kẽm; vị trí bồn hoa (BH1, BH2) lót gạch block kích thước 390x260x80mm trồng cỏ lá gừng. Dự án giữ lại 7 cây xanh hiện trạng (06 cây Me tây + 01 cây Phượng), trồng mới 25 cây xanh các loại (trong đó: 5 cây Dầu; 4 cây Lim xẹt; 4 cây Chuông vàng; 4 cây Giáng hương; 4 cây Cau Vua; 01 cây phượng) và cây Trúc Quân tử, cây lá gấm phù hợp theo tiêu chuẩn và Đề án cây xanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 29/9/2023.

14. Bó vỉa cây xanh, sân đường

- Chiều dài: 707m.

- Cấu tạo: bó vỉa bê tông đá 10x20mm M250 dày 200mm; lớp bê tông lót đá 10x20 M150 dày 60mm; lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.

15. Máng rửa tay sát khuẩn ngoài trời

- Chiều dài: 16,5m (06 bộ)

- Cấu trúc: máng rửa tay sát khuẩn bằng inox tám dày 1,0mm, khung, giằng bằng inox hộp.

4.2.4. Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác:

1. Sân nền

- Diện tích sân nền: 9.555,14m².

- Cao trình thiết kế: $H = 23.340m \div 26.160m$.

- Khối lượng đất đắp: 6.917,69m³

2. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng tổng thể

- Đầu tư hệ thống trụ điện, đường dây và trạm biến áp Amorphous 3P 180KVA (loại dầu) đấu nối vào đường dây trung thế 22KV khu vực nằm trên đường ĐH 404 tại trụ "58-VĨNH TRƯỜNG" để hạ lưới điện cấp nguồn cho dự án. Ngoài ra, dự án đầu tư máy phát điện dự phòng 3P, 25-27,5 kVA để đảm bảo cung cấp điện cho công trình khi có sự cố mất điện xảy ra (máy phát điện dự phòng cung cấp điện hệ thống máy bơm nước sinh hoạt và thang máy khối hiệu bộ khi mất điện).

- Hệ thống chiếu sáng tổng thể: sử dụng đèn cao áp led 180W năng lượng mặt trời, được gắn trực tiếp vào tường của khối nhà qua cần đèn STK Ø60.

- Điện chiếu sáng trong công trình: tất cả các đèn sử dụng bóng led.

3. Hệ thống cấp, thoát nước tổng thể

a. Hệ thống cấp nước

- Hệ thống cấp nước cho công trình đảm bảo tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Nguồn nước sử dụng cho dự án được đầu nối với hệ thống cấp nước đô thị nằm trên tuyến đường ĐH 404 sau khi tuyến ống cấp nước khu vực này được thi công (theo văn bản số 17/CN-TDM ngày 02/02/2024 của Chi nhánh cấp nước Thủ Dầu Một).

- Nước từ hệ thống cấp nước đô thị đi thẳng vào bể nước ngầm (bể nước chữa cháy, bể nước trung chuyển) thông qua ống HDPE DN63; sau đó sử dụng hệ thống bơm (mỗi bơm có công suất 5,5HP, 18m³/h, H=34m) bơm nước từ bể trung chuyển lên các bồn inox nằm trên mái các khối nhà để cung cấp nước cho công trình.

- Nhu cầu dùng nước của dự án chủ yếu là nước sinh hoạt và chữa cháy cho công trình.

b. Hệ thống thoát nước

- *Thoát nước mưa:* nước từ trên mái các khối nhà thoát xuống bằng ống uPVC Ø90 đứng đặt trong hộp gen rời chảy vào hệ thống hố ga, cống bê tông cốt thép bố trí xung quanh công trình, sau đó thoát ra nguồn tiếp nhận nằm trên đường ĐH 404 thông qua hệ thống cống bê tông cốt thép Ø400, Ø600 và hố ga (theo văn bản số 1142/UBND-KTTH ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên).

- *Thoát nước sinh hoạt, vệ sinh:* nước thải từ các khu vệ sinh sẽ được tập trung về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải thông qua ống HDPE Ø160, Ø200 để xử lý; nước thải sau khi xử lý đạt chuẩn cột A theo yêu cầu QCVN 14:2008/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) sẽ được dẫn ra nguồn tiếp nhận nằm trên đường ĐH 404 thông qua ống HDPE Ø200 và hố ga (theo văn bản số 1142/UBND-KTTH ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên). Hệ thống xử lý nước thải công suất xử lý 60m³/ngày bằng công nghệ SBR (công nghệ sinh học dạng mẻ).

4. Hệ thống thông tin liên lạc

- Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin liên lạc hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia, vị trí lắp đặt ở những nơi làm việc, những khu vực thiết yếu, với mục đích là giảm số lượng mạch chuyển đổi và giảm chi phí cho việc lắp đặt và truyền dẫn, đảm bảo chất lượng tốt nhất.

- Nguồn cung cấp hệ thống thông tin liên lạc cho công trình được đầu nối từ

nhà cung cấp dịch vụ thông qua tuyến cáp viễn thông nằm trên đường ĐH 404.

5. Hệ thống phòng cháy chữa cháy

- Hệ thống báo cháy gồm 1 tủ báo cháy trung tâm 20 Zones đặt tại nhà bảo vệ.

- Công trình được xây dựng và trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy gồm: máy bơm chữa cháy, bể nước chữa cháy, họng cứu hỏa, bình CO₂, bình MF8, hệ thống báo cháy tự động... nhằm phòng khi có sự cố xảy ra.

- Hệ thống chữa cháy được thiết kế độc lập với hệ thống cấp nước sinh hoạt, đây là dạng máy bơm chuyên dùng chỉ hoạt động khi có cháy và phải đảm bảo lưu lượng và áp lực theo các yêu cầu thiết kế.

- Giải pháp thiết kế bao gồm chữa cháy bằng nước (chữa cháy bên ngoài và chữa cháy vách tường) kết hợp với dụng cụ, thiết bị chữa cháy bằng tay như bình bình CO₂, bình chữa cháy bột khô cầm tay.

+ Nước từ bể nước chữa cháy được đưa vào hệ thống chữa cháy bằng cụm máy bơm chữa cháy, gồm: máy bơm động cơ Diesel với P=50HP, Q=108m³/h, H=76,5m, máy bơm động cơ điện với P=50HP, Q=108m³/h, H=76,5m và máy bơm bù áp 3 pha với P=4,0HP, Q=4,8m³/h, H=88m. Toàn bộ hệ thống cấp nước chữa cháy sử dụng đường ống STK DN100, DN80, DN50 tráng kẽm, sơn màu đỏ được thiết kế mạch vòng khép kín quanh công trình.

+ Bên trong công trình thiết kế hệ thống chữa cháy vách tường sử dụng ống DN80 làm trục đứng; đặt các tủ dọc theo hành lang ở những nơi dễ dàng sử dụng khi có cháy, trong mỗi tủ có 1 cuộn ống PCCC, 1 vòi cấp nước chữa cháy. Ngoài ra còn bố trí hệ thống báo cháy tự động bên trong công trình đảm bảo khi có sự cố cháy nổ sẽ được phát hiện kịp thời.

- Hệ thống chữa cháy bằng khí CO₂ được nén trong các bình kim loại chịu áp lực, van xả khí, ống dẫn và đầu xả khí.

6. Hệ thống chống sét

- Sử dụng hệ thống chống sét với kim thu sét cổ điển, kim thu sét bằng thép mạ đồng Ø16mm, chiều dài 2,4m, vuốt nhọn đầu trên đặt tại các vị trí đã định sẵn trên mái các khối nhà.

- Sử dụng cáp đồng trần tiết diện 50mm² kết hợp bát kẹp bằng đồng giữ dây cáp để dẫn sét từ kim thu sét xuống các bãi tiếp địa.

- Dùng hộp đo điện trở để kiểm tra điện trở đất chống sét, nếu Rđ > 10Ω phải đóng thêm cọc tiếp địa hoặc dùng hóa chất tại nơi tiếp địa để xử lý.

- Bãi tiếp địa gồm giếng khoan tiếp địa và các cọc tiếp địa bằng thép mạ đồng Ø16, chiều dài 2,4m, cọc chôn sâu cách mặt đất hoàn thiện ít nhất 0,8m có tác dụng tải năng lượng sét xuống đất an toàn và nhanh chóng. Việc kết nối giữa dây cáp nối đất và cọc tiếp địa được thực hiện bằng mối hàn hóa nhiệt.

4.3. Thiết bị cho công trình

Trang thiết bị được bố trí, lắp đặt cho công trình phục vụ công tác giảng dạy và học tập của nhà trường theo quy định.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty TNHH MTV Hoàng Phúc.

6. Địa điểm xây dựng: phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và diện tích đất sử dụng của dự án khoảng 8.901 m².

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

a) Nhóm dự án: Nhóm B.

b) Loại công trình: Công trình dân dụng (Chi tiết: công trình giáo dục).

c) Cấp công trình: Cấp II.

d) Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: thời hạn sử dụng theo thiết kế 50 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

Tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế kiến trúc:

- TCXDVN 264-2002: Nhà và công trình Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng.

- TCVN 8793-2011: Trường Tiểu học - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế.

- TCVN 9366-2-2012: Cửa đi, cửa sổ - Phần 2: Cửa kim loại.

- TCVN 6396-20:2017; EN 81-20:2014 Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy – thang máy chở người và hàng – Phần 20: thang máy chở người và thang máy chở người và hàng.

Tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế kết cấu:

- TCVN 5575:2012 - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9362 : 2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.

- TCVN 9379:2012 - Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán.

- TCVN 5574:2018 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

Tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế hệ thống cấp điện:

- TCVN 16-1986: Chiều sáng nhân tạo trong công trình dân dụng.

- TCXD 29-1991: Chiều sáng tự nhiên trong công trình dân dụng. Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCXDVN 259-2001: Tiêu chuẩn thiết kế chiều sáng tạo đường, đường phố, quảng trường, đô thị.

- TCXDVN 9208-2012: Lắp đặt cáp và dây điện cho các công trình công nghiệp.

- TCVN 9207-2012: Đặt đường dây điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

Tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế hệ thống cấp thoát nước:

- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong nhà và công trình.

- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong nhà và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCXD 33-2006: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình.

- TCVN 9113-2012: Ống bê tông cốt thép thoát nước.

- TCVN 3989-2012: Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Cấp nước và thoát nước - Mạng lưới bên ngoài - Bản vẽ thi công.

- TCVN 5673-2012: Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Cấp thoát nước bên trong - Hồ sơ bản vẽ thi công.

- TCVN 4037-2012: Cấp nước. Thuật ngữ và định nghĩa.

- TCVN 4038-2012: Thoát nước. Thuật ngữ và định nghĩa.

Tiêu chuẩn xây dựng về hệ thống PCCC và báo cháy:

- TCVN 2622-1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình.

- TCVN 6379-1998: Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 3991-2012: Tiêu chuẩn phòng cháy trong thiết kế xây dựng - Thuật ngữ - Định nghĩa.

- TCVN 9310-3-2012: Phòng cháy chữa cháy - Từ vựng. Phần 3: Phát hiện cháy và báo cháy.

- TCVN 9310-4-2012: Phòng cháy chữa cháy - Từ vựng. Phần 4: Thiết bị chữa cháy.

- TCVN 9310-8-2012: Phòng cháy chữa cháy - Tủ vừng. Phần 8: Thuật ngữ chuyên dùng cho chữa cháy, cứu nạn và xử lý vật liệu nguy hiểm.

- TCVN 6102-2020 (ISO 7202:2018): Phòng cháy chữa cháy - chất chữa cháy - bột.

- TCVN 5738-2021: Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống báo cháy tự động - yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 13456-2022: Phòng cháy chữa cháy - phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn - yêu cầu thiết kế, lắp đặt.

- TCVN 3890-2023: Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện Phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí.

Tiêu chuẩn xây dựng về hệ thống chống sét:

- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

Các tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư xây dựng: 129.670.442.361 đồng (*Một trăm hai mươi chín tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng*). Trong đó:

Chi phí bồi thường, hỗ trợ	5.380.169.520	đồng
Chi phí xây dựng	84.176.801.373	đồng
Chi phí thiết bị	13.068.492.500	đồng
Chi phí quản lý dự án	1.922.429.600	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.995.908.217	đồng
Chi phí khác	1.474.232.301	đồng
Chi phí dự phòng	17.652.408.850	đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án:

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2023.

- Thực hiện dự án: Năm 2024 - 2027.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ dự án:

- Vốn đầu tư công (ngân sách tỉnh).

- Cân đối bố trí, phân bổ vốn đầu tư công theo tiến độ thực hiện thực tế của dự án trong kỳ trung hạn 2021-2025 và kỳ trung hạn 2026-2030.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Tân Uyên là đơn vị quản lý dự án.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định (hoặc ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định) tại thời điểm quyết định thu hồi đất; Đơn giá bồi thường nhà, công trình kiến trúc, cây trồng được áp dụng theo các quy định hiện hành.

14. Các nội dung khác: Chủ đầu tư thực hiện theo các kiến nghị của các Sở, ngành có liên quan.

- Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ là sở quản lý chuyên ngành của dự án tiếp tục theo dõi, rà soát, hỗ trợ chủ đầu tư để công trình triển khai theo đúng trình tự quy định, đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị theo tiêu chuẩn của công trình; kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

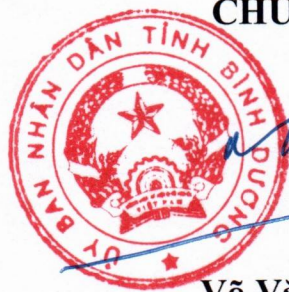
Điều 2. Căn cứ dự án đầu tư được phê duyệt, Chủ đầu tư tổ chức triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND thành phố Tân Uyên, thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Các Sở: XD, TC, KHĐT, TNMT, GDĐT;
- UBND, BQLDA thành phố Tân Uyên;
- KBNN tỉnh;
- LĐVP (T, H), Kh, Tr, KT, KGVX, TH;
- Lưu: VT. *M* 9



CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh